

Bản án số: 02 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2022

V/v tranh chấp: "Ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Tiến Đại

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ma Văn Nhạc;

2. Bà Chu Thị Thi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Triệu Giang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa:* Ông Vi Văn Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm xét xử công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Minh S, sinh năm 19xx. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Sầm Thị N, sinh năm 19xx. Có mặt.

Cùng có địa chỉ tại: Thôn B, xã C, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Hoàng Minh S trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông và bà Sầm Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Pác Nặm vào tháng 11 năm 2002. Sau khi kết hôn chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2013 vợ chồng ông nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông không còn tình cảm với bà Sầm Thị N nữa. ông đã sống ly thân với bà N từ năm 2013 cho đến nay. Ông nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và xác định không còn tình cảm với bà Sầm Thị N nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà N.

- **Về con chung:** Vợ chồng ông có 03 (ba) con chung là: Hoàng Thị H, sinh ngày xx/xx/19xx; Hoàng Minh H, sinh ngày xx/xx/19xx; Hoàng Thị M, sinh ngày xx/xx/20xx; các con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, nợ chung:**

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng ông không có nợ chung.

\* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2022 và biên bản hòa giải ngày 25/8/2022 bà Sầm Thị N trình bày:* Bà và ông S kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Pác Nặm vào ngày 27/11/2002. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Khoảng năm 2012 (không nhớ rõ thời gian cụ thể) ông Hoàng Minh S có quan hệ với người phụ nữ khác thì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông S không đồng ý hàn gắn. Ông S không quan tâm đến đời sống vợ chồng, khi nào gia đình có việc ( cưới hỏi của các con ) bà gọi thì ông S mới về. Bà và ông S đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để cho hai bên thống nhất với nhau toàn bộ nội dung vụ án nhưng các bên không thể thống nhất được. Ông S vẫn cương quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng; bà N không đồng ý ly hôn vì bà không có lỗi và bà vẫn còn tình cảm với chồng.

\* *Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn ông Hoàng Minh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Sầm Thị N.

- Bị đơn bà Sầm Thị N trình bày, không đồng ý ly hôn vì ông S tự bỏ đi ở với người khác. Nếu ông S trả cho bà một khoản tiền thì bà mới đồng ý ly hôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh S; Về án phí: Ông Hoàng Minh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi Hội đồng xét xử thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Ông Hoàng Minh S có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ việc xin ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn và đã thực hiện các bước theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Minh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét yêu cầu của ông Hoàng Minh S thấy:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Theo lời khai của ông S và bà N, xác định ông S và bà N kết hôn với nhau từ tháng 11 năm 2002, sau khi kết hôn cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ năm 2013 mỗi người một nơi, không có quan tâm gì đến nhau. Bà N có yêu cầu ông S phải trả cho bà một khoản tiền thì bà mới đồng ý ly hôn và không yêu cầu xem xét về tài sản chung và nợ chung, nhưng bà không chứng minh được là tiền gì và số tiền là bao nhiêu nên không có căn cứ để xem xét. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông S và bà N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S.

2.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông bà có 3 (ba) con chung, tên là Hoàng Thị H, sinh ngày xx/xx/19xx, Hoàng Minh H, sinh ngày xx/xx/19xx, Hoàng Thị M, sinh ngày xx/xx/20xx. Các con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành, có cuộc sống riêng. Vì vậy khi ly hôn không xem xét nghĩa vụ đối với các con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. *Về tài sản chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.4. *Về nợ chung*: Ông S và bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

[4] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án; buộc ông Hoàng Minh S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm. Ông S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hoàng Minh S đối với bà Sầm Thị N. Ông Hoàng Minh S được ly hôn với bà Sầm Thị N.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Hoàng Minh S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000790 ngày 28/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm. Ông S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bà Sầm Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Hoàng Minh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Pác Nặm (01b);
- Chi cục THA DS h Pác Nặm  
(Án có hiệu lực - 01b);
- Các đương sự (02b);
- UBND xã C (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Phạm Tiến Đại**